

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *7179* /CT-TTHT  
V/v đối tượng kê khai, nộp  
phí bảo vệ môi trường đối với  
nước thải sinh hoạt

Hà Nội, ngày *13* tháng *09* năm 2018

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ đô thị Việt Nam  
(Đ/c: Số 62, phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội)  
MST: 0101407810

Trả lời công văn số 20/2018/VSC-CV/TCKH ngày 05/01/2018 của Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ đô thị Việt Nam (sau đây gọi tắt là VINASINCO) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 2 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, quy định:

*"4. Đơn vị cấp nước bán buôn là đơn vị cấp nước thực hiện việc bán nước sạch cho một đơn vị cấp nước khác để phân phối, bán trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước.*

*5. Đơn vị cấp nước bán lẻ là đơn vị cấp nước thực hiện việc bán nước sạch trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước."*

- Căn cứ Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19/5/2009 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn (có hiệu lực kể từ ngày 8/7/2009).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính- Bộ Xây dựng- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về giá bán buôn nước sạch (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/6/2012 và thay thế Thông tư Liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN).

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (có hiệu lực thi hành từ ngày 14/01/2004):

+ Tại Điểm 1 Phần I quy định về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:

*"1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải*

*Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt.*

*...b) Nước thải sinh hoạt là nước thải ra môi trường từ:*



- Hộ gia đình;

...- Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác;

- Các đối tượng khác có nước thải không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b nêu trên.”

+ Tại Điểm 3 Phần I quy định về đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:

“3. Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là hộ gia đình, đơn vị, tổ chức có nước thải được hướng dẫn tại điểm 1 phần này.”

+ Tại Tiết a, Tiết d Điểm 1 Mục IV quy định về nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

“1. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

a) Hàng tháng, đơn vị cung cấp nước sạch tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đồng thời với việc thu tiền sử dụng nước sạch. Tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có nghĩa vụ nộp đủ số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho đơn vị cung cấp nước sạch đồng thời với việc thanh toán tiền sử dụng nước sạch theo hoá đơn bán hàng hàng tháng.”

“đ) Hàng năm, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch, đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường phải thực hiện quyết toán với Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương việc thu, nộp tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được trên địa bàn theo đúng chế độ quy định.”

- Căn cứ Mục 3 Thông tư liên tịch số 106/2007/TTLT/BTC-BTNMT ngày 06/9/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (có hiệu lực thi hành từ ngày 07/10/2007):

“3. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 1 mục IV Thông tư số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT như sau:

“c) ...Hàng tháng, đơn vị cung cấp nước sạch căn cứ vào số phí thu được thực hiện tính, lập tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Cục thuế để theo dõi, quản lý. Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ vào số phí thu được thực hiện tính, lập tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Chi cục thuế để theo dõi, quản lý. Cuối năm, Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện quyết toán với Chi cục thuế việc thu, nộp theo đúng quy định.



d) Kho bạc nhà nước thực hiện hạch toán số tiền phí bảo vệ môi trường do đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường nộp vào chương, loại, khoản tương ứng, mục và tiểu mục 042.01 của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành và điều tiết ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại khoản 3 mục V Thông tư này.”

- Căn cứ Thông tư số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013):

+ Tại Khoản 2 Điều 1 quy định về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

“Điều 1. Đối tượng chịu phí

Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là nước thải ra môi trường, gồm nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt.

...2. Nước thải sinh hoạt là nước thải ra môi trường từ:

a) Hộ gia đình;

...e) Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác;

g) Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải không được quy định tại khoản 1 Điều này.”

+ Tại Điều 3 quy định về người nộp phí:

“Điều 3. Người nộp phí

1. Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là hộ gia đình, đơn vị, tổ chức, cá nhân có nước thải được quy định tại Điều 1 Thông tư này.

...”

+ Tại Khoản 1 Điều 6 quy định về kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

“Điều 6. Kê khai, thẩm định và nộp phí

1. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

a) Hàng tháng, đơn vị cung cấp nước sạch tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các tổ chức, cá nhân là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đồng thời với việc thu tiền sử dụng nước sạch. Tổ chức, cá nhân là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có nghĩa vụ nộp đủ số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho đơn vị cung cấp nước sạch đồng thời với việc thanh toán tiền sử dụng nước sạch theo hoá đơn bán hàng hàng tháng.

...c) Đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn. Tùy theo số thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nhiều hay ít mà định kỳ hàng ngày, tuần nộp số thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải vào tài khoản tạm thu phí. Hàng tháng, chậm nhất đến ngày 20 của tháng tiếp theo, đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã,

phường, thị trấn có trách nhiệm nộp số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên tài khoản tạm thu vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ đi số phí được trích để lại cho đơn vị theo quy định.

Hàng tháng, đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tính toán số thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được, lập Tờ khai phí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Cơ quan quản lý thuế trên địa bàn.

...đ) Hàng năm, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo, đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải thực hiện quyết toán với cơ quan thuế địa phương việc thu, nộp tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được trên địa bàn theo đúng chế độ quy định.”

- Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017):

+ Tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 2 quy định về đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

“Điều 2. Đối tượng chịu phí

1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định này là nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt, trừ trường hợp miễn thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

...3. Nước thải sinh hoạt là nước thải từ:

a) Hộ gia đình;

b) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);

c) Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;

...đ) Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác;

e) Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải không được quy định tại khoản 2 Điều này.”

+ Tại Khoản 2 Điều 3 quy định về cơ quan thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch:

“Điều 3. Cơ quan thu phí

Cơ quan thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gồm:

...2. Đơn vị cung cấp nước sạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch.”

+ Tại Khoản 1 Điều 4 quy định về người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:

“Điều 4. Người nộp phí



1. Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả chủ hộ gia đình) xả nước thải quy định tại Điều 2 Nghị định này là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

...”

+ Tại Khoản 1 Điều 8 quy định về kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

*"Điều 8. Kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí*

*1. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:*

*a) Người nộp phí thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho đơn vị cung cấp nước sạch đồng thời với việc thanh toán tiền sử dụng nước sạch theo hóa đơn bán hàng hàng tháng.*

*c)...Hàng tháng, đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tính toán số thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được, lập tờ khai theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan thuế trên địa bàn.*

*...đ) Hàng năm, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo, đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải thực hiện quyết toán với cơ quan thuế việc thu, nộp tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được theo đúng chế độ quy định."*

- Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ:

+ Tại Khoản 5 Điều 10 quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế:

*"5. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế*

*a) Sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.*

*Đối với loại thuế có kỳ quyết toán thuế năm:...Trường hợp đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì chỉ khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm.*

*...Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế; nếu cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau kiểm tra, thanh tra thì người nộp thuế được khai bổ sung, điều chỉnh:..."*

+ Tại Khoản 3 Điều 19 quy định về khai phí, lệ phí:

*"3. Khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước*

*a) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước nộp hồ sơ khai phí, lệ phí cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp;*

*b) Khai phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước là loại khai theo tháng và khai quyết toán năm;*



...”

+ Tại Điều 33 quy định về xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa:

*“Điều 33. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa*

*1. Tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt được coi là nộp thừa khi:*

*a) Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp đối với từng loại thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) quy định của mục lục ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 (mười) năm tính từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Đối với loại thuế phải quyết toán thuế thì người nộp thuế chỉ được xác định số thuế nộp thừa khi có số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp theo quyết toán thuế.*

...”

Căn cứ quy định trên và theo trình bày của VINASINCO, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn nguyên tắc như sau:

- Trường hợp VIWACO bán lẻ nước sạch cho VINASINCO để VINASINCO sử dụng nước sạch phục vụ cho hoạt động kinh doanh dịch vụ của VINASINCO (giá bán lẻ nước sạch theo quy định của pháp luật) thì VIWACO là đơn vị thực hiện thu, nộp, kê khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của VINASINCO gửi cơ quan thuế.

- Trường hợp VIWACO bán buôn nước sạch cho VINASINCO để VINASINCO bán lẻ nước sạch trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước (giá bán buôn nước sạch do các bên tự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật) thì VINASINCO là đơn vị thực hiện thu, nộp, kê khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các khách hàng sử dụng nước gửi cơ quan thuế.

- Trường hợp VINASINCO, VIWACO đã thu, nộp, kê khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt chưa đúng theo quy định nêu trên thì thực hiện khai điều chỉnh bổ sung hồ sơ khai quyết toán của năm có sai sót theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. Nếu phát sinh số phí bảo vệ môi trường nộp thừa thì xử lý theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ đô thị Việt Nam được biết và thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng kiểm tra thuế số 6;
- Phòng pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6/3)



Mai Sơn